

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ Q  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 10 - 2021

*“V/v Ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Lan

2. Bà Trần Thị Bích Hợp

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hạnh - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh B tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Hồng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 469/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1972 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, Khu vực 5, phường N, thành phố Q, tỉnh B.

**Bị đơn:** Anh Huỳnh Tấn L, sinh năm: 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, Khu vực 5, phường N, thành phố Q, tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Tấn L đăng ký kết hôn số: 07 vào năm 1993 tại UBND phường N, thành phố Q, tỉnh B, tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L thường xuyên ăn nhậu về nhà đánh đập chị. Đến năm 2020 mâu thuẫn gay gắt nên chị có làm đơn xin ly hôn nhưng vì con chị suy nghĩ lại và rút đơn. Sau khi rút đơn về thì tình cảm vợ chồng vẫn không được cải

thiện anh L vẫn tính nào tăt đó không thay đổi. Vợ chồng đã tự sống ly thân từ năm 2020 đến nay.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị không thể nào chung sống với anh Lập được nữa nên chị quyết định xin ly hôn anh L để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là: Huỳnh Tấn L, sinh ngày: 11/10/1993 và Huỳnh Thị Thùy L, sinh ngày: 08/10/1997. Sức khỏe các con bình thường và hiện nay đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản khai ngày 16/7/2021 và trong quá trình tố tụng bị đơn anh Huỳnh Tấn L trình bày: Thống nhất về thời gian và điều kiện kết hôn như chị N đã khai. Anh và chị N đăng ký kết hôn số: 07 năm 1993 tại UBND phường N, thành phố Q, tỉnh B, tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường đến năm 2019 chị N thay đổi tính nết bỏ nhà đi. Anh mong muốn chị N thông cảm mà quay về chung sống vợ chồng với anh để chăm sóc cho nhau tuổi già vì anh vẫn còn thương yêu vợ. Chị N đã bỏ nhà đi hai năm nay không quan tâm đến gia đình, không chăm lo cho gia đình và đã tự sống ly thân từ tháng 01/2021 đến nay. Năm 2020 chị N làm đơn xin ly hôn nhưng anh không đến Tòa rồi chị N tự rút đơn.

Nay chị N xin ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là: Huỳnh Tấn L, sinh ngày: 11/10/1993 và Huỳnh Thị Thùy L, sinh ngày: 08/10/1997. Sức khỏe các con bình thường và hiện nay đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết.

*+ Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa.

*+ Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:*

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Huỳnh Tấn L.

- Về con chung: Chị N và anh L có hai con chung là: Huỳnh Tấn L, sinh ngày: 11/10/1993, Huỳnh Thị Thùy L, sinh ngày: 08/10/1997 và hiện nay đã trưởng thành nên Tòa không giải quyết.

- Về tài sản chung: Tòa không giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về tố tụng*: Chị Nguyễn Thị N - là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Còn anh Huỳnh Tấn L - là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Huỳnh Tấn L là hôn nhân hợp pháp. Chị N xin ly hôn anh L vì tình cảm vợ chồng không còn là do anh L thường xuyên uống rượu về nhà đánh đập chị. Chị đã nhiều lần cho anh L cơ hội sửa chữa nhưng tính nết tật đố anh L không thay đổi. Tháng 7/2020 chị làm đơn xin ly hôn nhưng anh L không đồng ý nên chị rút đơn. Sau khi rút đơn thì tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt và tự sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh L nên chị yêu cầu được ly hôn anh L. Còn bị đơn anh L tại bản khai ngày 16/7/2021 anh không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn thương yêu chị N nhưng chị N tự bỏ nhà ra đi không chăm lo cho gia đình mà còn làm đơn xin ly hôn rồi tự rút đơn và tự sống ly thân. Tòa đã hòa giải chị N và anh L nhưng chị N vẫn cương quyết xin ly hôn. Còn anh L tuy không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà bỏ mặt cho hôn nhân tan vỡ.

Xét thấy hôn nhân giữa chị N và anh L không còn thương yêu, quý trọng, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng. Do đó hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Chị N và anh L có 02 con chung là: Huỳnh Tấn L, sinh ngày: 11/10/1993 và Huỳnh Thị Thùy L, sinh ngày: 08/10/1997. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên anh, chị không yêu cầu Tòa không giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Chị N và anh L không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

[5] *Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Huỳnh Tấn L.

2. Về con chung: Chị N và anh L có 02 con chung là: Huỳnh Tấn L, sinh ngày: 11/10/1993 và Huỳnh Thị Thùy L, sinh ngày: 08/10/1997. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị N và anh L không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai số 0002649 ngày 16/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q. Chị N đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSNDTP.Q;
- UBND phường N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hương**